

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2018.

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Công Đạt.

2. Ông Y Mung Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:

Ông Lê Quý Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2016/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2016 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 6, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: Có mặt

Đại diện theo ủy quyền của chị Đỗ Thị H về việc xử lý tài sản chung là anh Hoàng Văn L (theo văn bản ủy quyền lập ngày 04/01/2018).

Địa chỉ: Thôn 8a, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk : Có mặt

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn 6, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2016, các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Phạm Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, vì nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đến năm 2008 chúng tôi

mới đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc với nhau, đến khoảng năm 2010 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên to tiếng với nhau có lúc anh H còn đánh đập tôi. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hai bên đã ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, nên nguyện vọng của tôi được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống thì vợ chồng sinh được 02 con chung là cháu: Phạm Văn T, sinh ngày 04/6/1997, hiện cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết và cháu Phạm Thị Hồng N sinh ngày 01/02/2006 nguyện vọng của tôi là được nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành, yêu cầu anh H phải trợ cấp nuôi con chung cho cháu là 1.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được tài sản chung bao gồm:

- 01 lô đất rẫy diện tích 8.000m² tọa lạc tại buôn Ea b, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trên đất có 800 cây cà phê kinh doanh. Nguồn gốc vợ chồng nhận chuyển nhượng từ ông Y T Niê, địa chỉ Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk từ năm 1999. Trên đất có căn nhà cấp 4, diện tích 80 m², xây vào năm 2008. Đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và thuộc diện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- 01 lô đất rẫy diện tích 5.000 m² tọa lạc tại Buôn tự quản Ea M, xã Ea S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, trên đất có 300 cây cà phê kinh doanh, nguồn gốc vợ chồng nhận chuyển nhượng từ ông Ngô Quang B, bà Phạm Thị D vào năm 2009. Đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và thuộc diện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyện vọng nếu vợ chồng thỏa thuận được thì tôi sẽ nhận lô đất rẫy 5.000 m² tại Buôn tự quản Ea M để nuôi cháu N, còn lô rẫy 8.000 m² tại Buôn Ea B tôi để lại cho anh H và con trai là Phạm Văn T canh tác để đảm bảo quyền lợi của con cái. Không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật, chia đôi tài sản chung.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/6/2017, chị Đỗ Thị H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Búk giải quyết đối với vụ mùa cà phê năm 2016 mà anh H bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, sau khi trừ đi các chi phí đầu tư phân bón thì tổng số tiền anh H bán cà phê còn dư lại là 80.000.000đ, ngoài ra chị H còn yêu cầu chia tài sản chung gồm 01 tủ lạnh, 01 bộ bàn ghế; 01 máy giặt, 01 tivi; 01 đầu đĩa loa, 01 cặp lục bình, 01 xe cày, 01 máy xịt thuốc sâu; 03 máy bơm nước, tổng trị giá các vật dụng là 20.000.000đ. Tổng giá trị cà phê và máy móc vật dụng là 100.000.000đ. Chị H yêu cầu Tòa án chia ½ số tài sản trên.

Đại diện theo ủy quyền của chị Đỗ Thị H đối với việc xử lý tài sản chung là anh Hoàng Văn L trình bày: Đối với tài sản là 02 lô đất rẫy tại Buôn Ea b, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Buôn tự quản Ea M, xã Ea S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk của anh H và chị H. Theo ý chị H thì để hai bên có sự đồng thuận và ổn định cuộc sống sau ly hôn, thì có thể chia cho chị H được sử dụng lô đất rẫy và tài sản trên đất tại Buôn tự quản Ea M, xã Ea S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk còn chia cho anh H lô đất rẫy và tài sản

trên đất tại Buôn Ea b, xã C, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, vì lô đất rẫy của anh H được nhận có giá trị lớn hơn nên anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là cháu N, đồng thời hỗ trợ phần nào cho gia đình cháu T trong quá trình sinh sống làm ăn sau này. Đối với vụ mùa cà phê năm 2016 mà anh H bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, sau khi trừ đi các chi phí đầu tư phân bón thì tổng số tiền anh H bán cà phê còn dư lại là 80.000.000đ, ngoài ra chị H còn yêu cầu chia tài sản chung gồm 01 tủ lạnh, 01 bộ bàn ghế; 01 máy giặt, 01 tivi; 01 đầu đĩa loa, 01 cặp lục bình, 01 xe cày, 01 máy xịt thuốc sâu; 03 máy bơm nước, tổng trị giá các vật dụng là 20.000.000đ. Tổng giá trị cà phê và máy móc vật dụng là 100.000.000đ. Chị H yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết yêu cầu trên theo quy định của pháp luật.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án anh Phạm Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Đỗ Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, vì nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đến năm 2008 chúng tôi mới đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là cô H sống không chung thủy, thường xuyên bỏ nhà đi. Vợ chồng đã ly thân vào cuối năm 2016, nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đồng ý việc ly hôn với cô Đỗ Thị H.

Về con chung: Như cô H trình bày, trong quá trình chung sống thì vợ chồng sinh được 02 con chung là cháu: Phạm Văn T, sinh ngày 04/6/1997, hiện cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết, đối với cháu Phạm Thị Hồng N sinh ngày 01/02/2006 nguyện vọng của tôi là được nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành, không cần cô H phải trợ nuôi con chung.

Về tài sản chung: Theo cô H trình bày thì tôi công nhận vợ chồng có tài sản chung gồm 01 lô đất rẫy diện tích 5.000 m² tọa lạc tại Buôn tự quản Ea m, xã Ea S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, trên đất có 557 cây cà phê kinh doanh, nguồn gốc vợ chồng nhận chuyển nhượng từ ông Ngô quang B, bà Phạm Thị D (là anh chị trong gia đình) vào năm 2009. Tôi nhất trí việc chia khối tài sản chung này theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 lô đất rẫy diện tích 8.000m² tọa lạc tại Buôn Ea b, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trên đất có 800 cây cà phê kinh doanh. Nguồn gốc tôi nhận chuyển nhượng từ ông Võ Tấn D, địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk từ năm 1998. Trên đất có căn nhà cấp 4, diện tích 80 m². Đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và thuộc diện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là tài sản riêng của tôi, tôi dùng tài sản riêng của tôi và tiền của anh em trong gia đình để nhận chuyển nhượng đất nên cô H yêu cầu chia tài sản chung là không đúng, tôi không đồng ý. Đối với giấy tờ sang nhượng giữa tôi và ông D thì hiện tại cô H đang lưu giữ không cung cấp cho Tòa án. Đối với việc làm rẫy nương thì tôi là người đứng ra cày cấy, lo tất cả phân tro, tưới tắm, chăm sóc, cô H không bỏ công sức để tạo lập ra sản phẩm. Nên tôi là người có công tạo lập nhiều hơn đề nghị Tòa án xem xét.

Đối với yêu cầu chia 80.000.000đ tiền cà phê niên vụ 2016 thì tôi không đồng ý và cũng không có số tiền trên, niên vụ năm 2016 thì tôi và cô H còn thu hái và sử

dụng chung, ngoài ra còn phải trả nợ cho đại lý phân bón, trang trải gia đình, đầu tư niên vụ mới nên không có dư. Vì vậy tôi không chấp nhận yêu cầu trên. Đối với các vật dụng mà cô H yêu cầu chia thì hai bên thỏa thuận, cô H lấy gì thì lấy tôi không ý kiến gì.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sau khi xem xét ý kiến của chị H và đại diện theo ủy quyền của chị H thì anh H nhất trí việc chia tài sản là để ổn định cuộc sống sau ly hôn, thì có thể chia cho chị H được sử dụng lô đất rẫy và tài sản trên đất tại Buôn tự quản Ea m, xã Ea S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk còn chia cho anh H lô đất rẫy và tài sản trên đất tại Buôn Ea b, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận chia tài sản như trên.

Về nợ chung: Vợ chồng không có khoản nợ chung nào, nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2016 cháu Phạm Thị Hồng N trình bày: Trong trường hợp bố mẹ không sống với nhau thì nguyện vọng của cháu được ở với mẹ (chị H).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2016 anh Phạm Văn T trình bày: Đối với tài sản mà bố mẹ (anh H, chị H) tranh chấp thì anh T không đóng góp tạo lập được gì nên yêu cầu Tòa án chia theo pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2017 người làm chứng anh Y T Niê và chị H Y Ayun trình bày: Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 092950 mang tên Y T Niê, tại tờ bản đồ số 5, thửa đất số 34, diện tích 13.730 m² được UBND huyện Krông Búk cấp giấy chứng nhận ngày 14/3/1996 là đúng của gia đình, tuy nhiên vì không có nhu cầu sử dụng nên gia đình đã sang nhượng từ lâu nên hiện tại không nhớ đã sang nhượng cho những ai, diện tích như thế nào và vào thời gian nào nhưng có nhớ là sang nhượng cho một người tên D, diện tích thì không rõ. Đến năm 2015, thì vợ chồng anh H, chị H có liên hệ gia đình để làm giấy tờ chuyển nhượng đất thì gia đình cũng tạo điều kiện để anh H, chị H làm giấy chứng nhận còn việc đã làm được hay chưa thì gia đình tôi không biết. Hiện tại gia đình không liên quan đến đất đai và không có tranh chấp gì nên yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2017 người làm chứng ông Võ Tấn D trình bày: Vào khoảng năm 1999 thì ông D có sang nhượng cho anh H 01 lô rẫy khoảng 8.000m², khi hai bên sang nhượng đất thì chỉ viết giấy tay sang nhượng với nhau, khi sang nhượng thì làm giấy tờ chỉ có một mình anh H ký, ông D không biết bà H, nguồn gốc đất là ông D nhận chuyển nhượng từ người đồng bào tại chỗ ở địa phương ông D không nhớ. Giá trị sang nhượng cho anh H tại thời điểm đó là 30.000.000đ. Việc tranh chấp giữa vợ chồng anh H và chị H thì ông D không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2017 người làm chứng anh Nguyễn Văn T, chị Dương Thị Th trình bày: Vào năm 1998 thì vợ chồng anh T và chị Th có nhận sang nhượng từ gia đình anh H 5 sào đất tại thôn T, xã Ea T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk với giá là 42.000.000đ, tại thời điểm trên thì anh H và chị H đã chung sống với nhau, anh T và chị Th chỉ xác nhận việc có nhận sang nhượng đất chứ việc hai vợ

chồng anh H và chị H tranh chấp đất thì anh T và chị Th không biết, không liên quan.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2017 thì người làm chứng chị Phan Thị M – Chủ đại lý cà phê L M trình bày: Trong niên vụ cà phê năm 2016 trở về trước thì gia đình anh H, chị H đều nhận đầu tư phân bón từ đại lý của chị M, đến cuối mùa thì bán cà phê lại cho đại lý, mọi giao dịch thì hai vợ chồng cùng thực hiện, có lúc thì một người liên hệ. Trong năm 2016 mọi giao dịch thì đại lý đều ghi vào sổ sách để theo dõi, hai bên đối chiếu sổ sách công nợ đầu tư cũng như số cà phê chốt lại thì gia đình H, H còn dư lại 39.000.000đ sau khi trừ các khoản công nợ. Sau đó anh H có sử dụng để đầu tư niên vụ cà phê mới, cũng như lấy tiền để sử dụng vào mục đích gì thì chị M không rõ. Sau khi chốt sổ dư 39.000.000đ thì số tiền này một mình anh H giao dịch với đại lý chứ chị H không sử dụng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành; chị H và anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh H là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Con chung Phạm Văn T đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh H và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập, còn đối với cháu Phạm Thị Hồng N, hiện nay cháu N còn nhỏ, trong độ tuổi học hành và cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị H nên cần giao cháu N cho chị Đỗ Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung là 02 lô đất rẫy tại Buôn Ea b, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Buôn tự quản Ea m, xã Ea S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk việc thỏa thuận trên là tự nguyện, không trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về yêu cầu chia sản lượng cà phê năm 2016 và một số vật dụng trong gia đình thì chưa đủ cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu trên.

Về nợ chung: Vợ chồng không có khoản nợ chung nào, nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tổ tụng dân sự: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con, giải quyết về nợ chung và tài sản chung thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk là phù hợp với khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng năm 2015

[2]. Về nội dung vụ kiện: Chị Đỗ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn H, giải quyết việc nuôi con chung và chia tài sản chung.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1995, đến năm 2008 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, tình hình mâu thuẫn trầm trọng hơn vào cuối năm 2016 nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do lối sống không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, có những hành động không đúng với nhau. Nay giữa chị H và anh H không còn tình cảm với nhau nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Đỗ Thị H có nguyện vọng được ly hôn và anh Phạm Văn H cũng đồng ý ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh H là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn H đều thừa nhận trong quá trình chung sống có 02 con chung gồm: Phạm Văn T, sinh ngày 04/6/1997 và cháu Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 01/02/2006.

Hiện nay cháu Phạm Văn T đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh H và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn đối với cháu Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 01/02/2006 chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành. Anh H cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành. Tuy nhiên xét thấy, hiện nay cháu N còn nhỏ, trong độ tuổi học hành và cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị H nên cần giao cháu N cho chị Đỗ Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng số tiền 1.000.000đ, xét yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế chi phí việc chăm sóc con chung nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung: Đối với tài sản chung mà chị H yêu cầu chia gồm: 01 lô đất rẫy diện tích 8.000m² tọa lạc tại Buôn Ea b, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và 01 lô đất rẫy diện tích 5.000 m² tọa lạc tại Buôn tự quản Ea m, xã Ea S, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, cũng như xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản thì thực tế lô rẫy tại Buôn Ea b, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 5.999,6 m², đất có tứ cận: Phía đông giáp đất rẫy ông Th và ông L có cạnh dài: 195,9m; phía tây giáp rẫy ông H có cạnh dài: 205,3m; phía

nam giáp rẫy ông Đ có cạnh dài: 45,5m; phía bắc giáp đường đi có cạnh dài 21m; tài sản trên đất hiện có 01 nhà xây cấp 4 diện tích 44 m²; 01 nhà bếp diện tích 37m²; 01 mái hiên diện tích 8,8 m²; 550 cây cà phê trồng năm 1996, 72 trụ muồng trồng tiêu; 03 cây sầu riêng trồng năm 2000; 01 cây vải thiều trồng năm 2014; 01 cây vú sữa trồng năm 2015; 01 cây chôm chôm trồng năm 2014; 01 cây xoài trồng năm 2014; 01 giếng nước; 01 tường rào lưới B40 dài 60m; 01 chuồng heo diện tích 13,2m²; 02 trụ xây cổng tường rào. Tổng giá trị đất theo giá thị trường và tài sản trên đất là 500.000.000đ. Đối với lô đất rẫy tọa lạc tại Buôn tự quản Ea M, xã Ea S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 5.488,3m², đất có tứ cận: Phía đông giáp suối có cạnh dài 35,69m; phía tây giáp suối có cạnh dài 27,99m; phía nam giáp đường đất và rẫy nhà ông Th có cạnh dài 200m, phía bắc giáp đất rẫy nhà ông K có cạnh dài 170m; tài sản trên đất hiện có 01 chòi rẫy diện tích 7,5 m²; 557 cây cà phê trồng năm 2000; 13 cây bơ ghép trồng năm 2015; 02 cây bơ thường, trồng năm 2015; 80 trụ tiêu trồng năm 2016. Tổng giá trị đất theo giá thị trường và tài sản trên đất là 250.000.000đ. Anh H và chị H thống nhất kết quả việc xem xét thẩm định tại chỗ và giá trị định giá tài sản đối với hai lô đất rẫy như trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn H đã thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản như sau:

+ Giao cho chị Đỗ Thị H được quyền sở hữu 01 chòi rẫy diện tích 7,5 m²; 557 cây cà phê trồng năm 2000; 13 cây bơ ghép trồng năm 2015; 02 cây bơ thường, trồng năm 2015; 80 trụ tiêu trồng năm 2016 trên diện tích đất 5.488,3m², đất có tứ cận và cạnh dài: Phía đông giáp suối có cạnh dài 35,69m; phía tây giáp suối có cạnh dài 27,99m; phía nam giáp đường đất và rẫy nhà ông Th có cạnh dài 200m, phía bắc giáp đất rẫy nhà ông K có cạnh dài 170m. Địa chỉ thửa đất: Buôn tự quản Ea M, xã Ea S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Giao cho anh Phạm Văn H được quyền sở hữu 01 nhà xây cấp 4 diện tích 44 m²; 01 nhà bếp diện tích 37m²; 01 mái hiên diện tích 8,8 m²; 550 cây cà phê trồng năm 1996; 72 trụ muồng trồng tiêu; 03 cây sầu riêng trồng năm 2000; 01 cây vải thiều trồng năm 2014; 01 cây vú sữa trồng năm 2015; 01 cây chôm chôm trồng năm 2014; 01 cây xoài trồng năm 2014; 01 giếng nước; 01 tường rào lưới B40 dài 60 m; 01 chuồng heo diện tích 13,2m²; 02 trụ xây cổng tường rào trên diện tích đất 5.999,6 m², đất có tứ cận và cạnh dài: Phía đông giáp đất rẫy ông T và ông L có cạnh dài: 195,9m; phía tây giáp rẫy ông H có cạnh dài: 205,3m; phía nam giáp rẫy ông Đ có cạnh dài: 45,5m; phía bắc giáp đường đi có cạnh dài 21m. Địa chỉ thửa đất: Buôn Ea B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Xét thấy sự thỏa thuận nói trên giữa chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận nói trên theo quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung đề ngày 27/6/2017 của chị Đỗ Thị H, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Búk giải quyết đối với vụ mùa cà phê năm 2016 mà anh H bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, sau khi trừ đi các chi phí đầu tư phân bón thì tổng số tiền anh H bán cà phê còn dư lại là 80.000.000đ, ngoài ra chị H còn yêu cầu chia tài sản chung gồm 01 tủ lạnh, 01 bộ bàn ghế; 01 máy giặt, 01 tivi; 01 đầu đĩa loa, 01 cặp lục bình, 01 xe cày, 01 máy xịt thuốc sâu; 03 máy bơm nước, tổng trị giá

các vật dụng là 20.000.000đ. Chị H yêu cầu Tòa án chia $\frac{1}{2}$ số tài sản trên. Xét thấy, theo quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 210, Điều 243, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ thì chị H có yêu cầu khởi kiện bổ sung sau thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (ngày 29/12/2016) nên yêu cầu của chị H không được xem xét, nên cần đình chỉ với yêu cầu khởi kiện bổ sung, yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết trong một vụ kiện khác.

[2.4]. Về nợ chung: Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về chi phí tụng (xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản): Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ; chi phí định giá tài sản là 3.000.000đ. Số tiền trên chị Đỗ Thị H đã nộp tạm ứng 5.000.000đ (đã chi phí xong). Căn cứ khoản 3 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đối với khoản chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn H mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí là 1.000.000đ; đối với chi phí định giá tài sản chị H và anh H mỗi người phải chịu phần chi phí định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia, cụ thể anh H được nhận tài sản là 500.000.000đ tương ứng với 67 % (lấy tròn), chị H được nhận tài sản là 250.000.000đ tương ứng với 33 % (lấy tròn), như vậy anh H phải chịu số tiền chi phí định giá tài sản 2.010.000đ và chị H phải chịu số tiền là 990.000đ. Vì chị H đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000đ, sau khi khấu trừ nghĩa vụ chị H phải chịu là 1.990.000đ nên anh H có nghĩa vụ hoàn trả cho chị H số tiền 3.010.000đ chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 24, Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009 ngày 27/02/2009 và Điều 13, Điều 16 Nghị quyết số 01/2012/NQ –HĐTP, ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Chị Đỗ Thị H phải chịu 50.000đ án tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia là 250.000.000đ x 5 % = 12.500.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 3.325.000đ mà chị H đã nộp án phí tại biên lai số 0038128 ngày 25/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk và số tiền 1.250.000đ chị H đã nộp án phí tại biên lai số 0001260 ngày 28/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk. Chị Đỗ Thị H còn phải nộp tiếp số tiền 7.975.000đ.

- Anh Phạm Văn H phải chịu 50.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối người có nghĩa vụ cấp dưỡng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia là 500.000.000 (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng): 100.000.000đ x 4% = 4.000.000đ + 20.000.000đ = 24.000.000đ. Tổng số tiền án phí anh Phạm Văn H phải chịu là 24.250.000đ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 246, Điều 266 của Bộ luật tố tụng năm 2015;

- Căn cứ Điều 219, Điều 224 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ các Điều 37, 51, 55, 59, 62, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 24, Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009 ngày 27/02/2009 và Điều 13, Điều 16 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 01/02/2006 cho chị Đỗ Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Văn H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Phạm Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 01/02/2006 mỗi tháng số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu N trưởng thành (đủ 18 tuổi).

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn H về việc phân chia tài sản chung tại phiên tòa như sau:

+ Giao cho chị Đỗ Thị H được quyền sở hữu 01 chòi rẫy diện tích 7,5 m²; 557 cây cà phê trồng năm 2000; 13 cây bơ ghép trồng năm 2015; 02 cây bơ thường, trồng năm 2015; 80 trụ tiêu trồng năm 2016 trên diện tích đất 5.488,3m², đất có tứ cận và cạnh dài: Phía đông giáp suối có cạnh dài 35,69m; phía tây giáp suối có cạnh dài 27,99m; phía nam giáp đường đất và rẫy nhà ông Th có cạnh dài 200m, phía bắc giáp đất rẫy nhà ông K có cạnh dài 170m. Địa chỉ thửa đất: Buôn tự quản Ea M, xã Ea S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Giao cho anh Phạm Văn H được quyền sở hữu 01 nhà xây cấp 4 diện tích 44 m²; 01 nhà bếp diện tích 37m²; 01 mái hiên diện tích 8,8 m²; 550 cây cà phê trồng năm 1996; 72 trụ muồng trồng tiêu; 03 cây sầu riêng trồng năm 2000; 01 cây vải thiều trồng năm 2014; 01 cây vú sữa trồng năm 2015; 01 cây chôm chôm trồng năm 2014; 01 cây xoài trồng năm 2014; 01 giếng nước; 01 tường rào lưới B40 dài 60 m; 01 chuồng heo diện tích 13,2m²; 02 trụ xây cổng tường rào trên diện tích đất 5.999,6 m², đất có tứ cận và cạnh dài: Phía đông giáp đất rẫy ông T và ông L có cạnh dài: 195,9m; phía tây giáp rẫy ông H có cạnh dài: 205,3m; phía nam giáp rẫy ông Đ có cạnh dài: 45,5m; phía bắc giáp đường đi có cạnh dài 21m. Địa chỉ thửa đất: Buôn Ea B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn H có nghĩa vụ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của mình nói trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Đỗ Thị H đối với vụ mùa cà phê năm 2016 cùng yêu cầu chia tài sản chung gồm 01 tủ lạnh, 01 bộ bàn ghế; 01 máy giặt, 01 tivi; 01 đầu đĩa loa, 01 cặp lục bình, 01 xe cày, 01 máy xít thuốc sâu; 03 máy bơm nước. Chị Đỗ Thị H có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu bổ sung trên theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về nợ chung: Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

5. Về chi phí tố tụng: Anh Phạm Văn H có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Đỗ Thị H số tiền 3.010.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

6. Về án phí:

- Chị Đỗ Thị H phải chịu 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) án tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia là 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 3.325.000đ (Ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp án phí tại biên lai số 0038128 ngày 25/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk và số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) chị H đã nộp án phí tại biên lai số 0001260 ngày 28/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk. Chị Đỗ Thị H còn phải nộp tiếp số tiền 7.975.000đ (bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Anh Phạm Văn H phải chịu 50.000 đ (năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối người có nghĩa vụ cấp dưỡng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia là 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng). Tổng số tiền án phí anh Phạm Văn H phải chịu là 24.250.000đ (hai mươi tư triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Đối với phần Quyết định của bản án về quan hệ hôn nhân, chia tài sản chung mà chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn H tự nguyện thỏa thuận thì có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được công bố tại phiên tòa sơ thẩm và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo những nội dung không thỏa thuận được tại phiên tòa mà Hội đồng xét xử xem xét quyết định trong bản án (về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng, khởi kiện chia tài sản bổ sung của chị Đỗ Thị H, án phí) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THA dân sự huyện Krông Búk;
- UBND xã Cư Né;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Thái Văn Hải

